

Số: 56/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 25 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026
thành phố Cần Thơ (đợt 6)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) cho các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3);

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 4);

Căn cứ Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 5);

Xét Tờ trình số 645/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ (đợt 6); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương:

1.1. Vốn chuẩn bị đầu tư:

- Điều chỉnh giảm 4.691 triệu đồng của 02 dự án.

- Giao bổ sung 4.691 triệu đồng cho 14 dự án (trong đó, giao bổ sung 3.000 triệu đồng cho 11 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035).

1.2. Vốn thực hiện dự án:

- Điều chỉnh giảm 264.895 triệu đồng của 03 dự án.
- Giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung 264.895 triệu đồng cho 16 dự án, chương trình (trong đó, giao Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 là 232.280 triệu đồng).

2. Nguồn vốn ngân sách trung ương:

Giao chi tiết 175.970 triệu đồng vốn ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II, III, IV đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khoá XI, Kỳ họp thứ Năm thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đồng Văn Thanh

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP BỘ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÓ THỜI GIAN THỰC HIỆN VƯỢT QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2026-2030	Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
	TỔNG SỐ						1.877.808	1.166.400	290.527	1.475.764	610.634	29.614
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp						889.589	178.181	14.614	821.657	110.249	14.614
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						889.589	178.181	14.614	821.657	110.249	14.614
1	Kè sông Cần Thơ (đoạn bến Ninh Kiều - cầu Cái Sơn thuộc quận Ninh Kiều và đoạn cầu Quang Trung - cầu Cái Răng thuộc quận Cái Răng), thành phố Cần Thơ	phường An Bình, phường Tân An, phường Cái Răng, phường Hưng Phú	B	7010736	2008-2026	2605/QĐ-UBND ngày 15/11/2007 3166/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 3606/QĐ-UBND ngày 17/7/2026	889.589	178.181	14.614	821.657	110.249	14.614
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố						295.588	295.588	107.913	188.088	34.366	10.000
**	Dự án chuyển tiếp						295.588	295.588	107.913	188.088	34.366	10.000
1	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh	Xã Vị Thủy, phường Vị Thanh, phường Vị Tân	B	7190416	2013-2028	3786/QĐ-UBND ngày 29/7/2026	295.588	295.588	107.913	188.088	34.366	10.000
III	Sở Xây dựng						692.631	692.631	168.000	466.019	466.019	5.000
**	Dự án chuyển tiếp						692.631	692.631	168.000	466.019	466.019	5.000
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	phường Ninh Kiều	B	7772903	2019-2026	2626/QĐ-UBND, 30/10/2019; 2490/QĐ-UBND, 06/10/2021; 2443/QĐ-UBND, 13/10/2023	692.631	692.631	168.000	466.019	466.019	5.000

Phụ lục II
DANH MỤC AN GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Kon Plao Nghệ An, ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, phê duyệt/ Quyết định đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2026-2030		Lấy kế vốn địa phương ngân sách đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2026 giao chi tiết, điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Ghi chú	
							TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Ngân sách địa phương				Ngân sách trung ương (vốn trong nước)
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Cân đối NSDP			
	TỔNG SỐ						7.665.193	4.953.785	5.359.140	4.284.064	634.518	175.970	-	-	175.970	810.488		
A	Các Chương trình mục tiêu quốc gia								2.878.426			411.250	3.000	232.280	175.970	411.250		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035								2.185.221			408.250		232.280	175.970	408.250	Chi tiết tại PL III	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035								693.205			3.000	3.000			3.000	Chi tiết tại PL IV	
B	Vốn chuẩn bị đầu tư								13.316			5.457	(3.000)			2.457		
I	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố								791			791				791		
1	Dự án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi đồng bộ vùng đồng bằng sông Cù Long, thành phố Cần Thơ				2026	1251/QĐ-SNNMT ngày 21/7/2026	791		791			791				791		
II	Sở Khoa học và Công nghệ								900			900	900			900		
1	Triển khai Nền tảng IoT Platform				2026	3769/QĐ-UBND ngày 28/7/2026	752		500			500	500			500		
2	Nâng cấp Hạ tầng Trung tâm dữ liệu thành phố Cần Thơ				2026	3825/QĐ-UBND ngày 31/7/2026	562		400			400	400			400		
III	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp								11.625			5.457	(4.691)			766		
1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 931C			8174481	2026-2030	3224/UBND-XDDT ngày 26/12/2025 07/QĐ-BQLDA ngày 07/01/2026	8.004		8.004			1.836	(1.836)					
2	Đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng đường tỉnh 931B			8174482	2026-2030	3224/UBND-XDDT ngày 26/12/2025 07/QĐ-BQLDA ngày 07/01/2026	3.621		3.621			3.621	(2.855)			766		
C	Vốn thực hiện dự án								2.467.998			4.284.064		(232.280)		396.781		
I	Sở Xây dựng								916.175			2.806.835				169.000		
**	Dự án chuyển tiếp								916.175			2.806.835				169.000		
1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao Ninh Kiều			7772903	2019-2026	2626/QĐ-UBND, 30/10/2019; 2490/QĐ-UBND, 06/10/2021; 2443/QĐ-UBND, 13/10/2023	692.631		168.000			45.000	5.000	5.000		50.000		
2	Dự án Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (từ trục Quốc lộ 91 đến Quốc lộ 61C)			7863251	2021-2026	Quyết định số 3543-QĐ-UBND ngày 26/11/2021; Quyết định số 1422-QĐ-UBND ngày 14/6/2023	3.837.742		748.175			124.000	(5.000)			119.000		
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố								107.913			188.088				10.200		
**	Dự án chuyển tiếp								107.913			188.088				10.200		
1	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vĩnh Thuận			7190316	2013-2028	3786/QĐ-UBND ngày 29/7/2026	295.588		107.913			10.000				10.200		
III	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp								1.440.309			(245.281)				214.580		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						889.589		178.181			14.614				14.614		

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời hạn KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2026-2030	Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2026 giao chi tiết, điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chi chủ	
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Ngân sách địa phương				Ngân sách trung ương (vốn trong nước)
														Cân đối NSDP	XSKT			
1	Kế sáng Cần Thơ (đoạn bên Ninh Kiều - cầu Cai Sơn thuộc quận Ninh Kiều và đoạn cầu Quang Trung - cầu Cai Răng thuộc quận Cai Răng), thành phố Cần Thơ	phường An Bình, phường Tân An, phường Cai Răng, phường Hưng Phú	B	7010736	2008-2026	2665/QĐ-UBND ngày 15/11/2007 3166/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 3666/QĐ-UBND ngày 17/7/2026		1.770.000	889.589	1.10.249	459.861			14.614	14.614	14.614		
**	Dự án chuyển tiếp							1.770.000			459.861							
1	Cầu và đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Vị Thanh	Phường Vị Thanh, phường Vị Tân, xã Hòa Lưu	A	8023724	2024-2029	350/QĐ-UBND 38/02/2025		1.600.000		342.558	329.861		(259.895)	14.614	14.614	199.966		
2	Dự án đầu tư các cầu trên đường tỉnh 927	xã Hiệp Hưng, xã Hòa An	B	8146852	2025-2028	729/QĐ-UBND, ngày 23/4/2025; 1136/QĐ-UBND ngày 26/6/2025		170.000		1.747	130.000					100.000		
IV	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố							19.742	19.742	15.834	15.834			137	137	137		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng							19.742	19.742	15.834	15.834			137	137	137		
I	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Hậu Giang (giai đoạn I)	tỉnh Hậu Giang (cũ)	C	7204044	2011-2013	1269/QĐ-UBND ngày 07/6/2010		19.742	19.742	15.834	15.834			137	137	137		
V	UBND phường Thuận Hưng							15.412	15.412	13.641	13.641			395	395	395		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng							15.412	15.412	13.641	13.641			395	395	395		
I	Nâng cấp, mở rộng tuyến Rạch Ranh - nhà ông Tha, Tuyến cầu Hùng Long - Sông Hậu thuộc phường Thuận Hưng	Thuận Hưng	C	7896905	2021-2022	số 798/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021		3.076	3.076	1.981	1.981			244	244	244		
2	Nâng cấp và sửa chữa trục số UBND quận Thới Nốt	Thuận Hưng	C	8015334	2024-2025	2028/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023		12.336	12.336	11.660	11.660			151	151	151		
VII	UBND xã Phong Điền							24.188	24.188	21.303	21.303			895	895	895		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng							24.188	24.188	21.303	21.303			895	895	895		
I	Bờ kè chợ Phong Điền, xã Nhôm Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Xã Phong Điền	C	7062154	2005-2015	3371/QĐ-UBND ngày 05/10/2004; DC: 2261/QĐ-UBND ngày 13/10/2006 3844/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; DC: 3188/QĐ-UBND ngày 05/12/2018		13.853	13.853	11.651	11.651			895	895	895		
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Phong Điền	Xã Phong Điền	C	8020577	2019-2025			10.335	10.335	9.652	9.652			40	40	40		
VIII	UBND xã Vị Thủy							16.098	16.098	13.997	13.997			1.493	1.493	1.493		
**	Dự án chuyển tiếp							16.098	16.098	13.997	13.997			1.493	1.493	1.493		
1	Đường Lê Quý Đôn (nối dài)	Xã Vị Thủy	C	8145335	2025-2026	2256/QĐ-UBND ngày 28/4/2025		5.400	5.400	4.699	4.699			400	400	400		
2	Đường kênh Thông Lưu xã Vị Thưng	Xã Vị Thủy	C	8145342	2025-2026	2259/QĐ-UBND ngày 28/4/2025		5.278	5.278	4.484	4.484			580	580	580		
3	Đường kênh Mương lộ thị trấn Nàng Mau	Xã Vị Thủy	C	8145341	2025-2026	2261/QĐ-UBND ngày 28/4/2025		3.820	3.820	3.440	3.440			340	340	340		
4	Cổng thoát nước Đường Nguyễn Tri Phương	Xã Vị Thủy	C	8145339	2025-2026	2255/QĐ-UBND ngày 28/4/2025		1.600	1.600	1.374	1.374			173	173	173		
VIII	UBND xã Thới An							3.241	3.241	2.888	2.888			6	6	6		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng							3.241	3.241	2.888	2.888			6	6	6		
1	Xây dựng môi trường sinh hoạt cộng đồng ấp Tiến Cường 2	Thị trấn Thới An	C	8059700	2024-2025	5294/QĐ-UBND 10/11/2023		1.537	1.537	1.371	1.371			3	3	3		
2	Xây dựng môi trường sinh hoạt cộng đồng ấp Tiến Cường 1	Thị trấn Thới An	C	8059701	2024-2025	5292/QĐ-UBND 10/11/2023		1.704	1.704	1.517	1.517			3	3	3		
IX	UBND xã Thới Hưng							87.232	87.232	55.516	55.516			75	75	75		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng							87.232	87.232	55.516	55.516			75	75	75		
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ô tô vào trung tâm xã Thới Hưng	xã Thới Hưng	B	7862135	2022-2025	8630/QĐ-UBND ngày 14/10/2021		87.232	87.232	55.516	55.516			75	75	75		



Phụ lục III

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHỖ TRINH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIÁM NGHEO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Chậm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

<

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án/Nội dung thành phần	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư			Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				NSTW	NSDP				
6	Xã Long Phú											6.797	3.464	3.333	
7	Xã Thới An Hội											6.021	3.002	3.019	
8	Xã Vĩnh Lợi											6.118	3.060	3.058	
9	Xã Lâm Tân											6.506	3.291	3.215	
10	Xã Liêu Tú											6.506	3.291	3.215	
11	Xã Kế Sách											6.700	3.406	3.294	
12	Xã An Ninh											6.409	3.233	3.176	
13	Xã Lai Hòa											6.602	3.348	3.254	
14	Xã Lịch Hội Thượng											6.118	3.060	3.058	
15	Xã Mỹ Hương											6.797	3.464	3.333	
16	Xã Tài Văn											6.797	3.464	3.333	
17	Xã Thuận Hòa											6.894	3.522	3.372	
18	Xã Vĩnh Hải											6.118	3.060	3.058	
19	Xã Phú Lộc											6.312	3.175	3.137	
20	Xã Gia Hòa											5.828	2.887	2.941	
21	Xã Ngọc Trố											5.828	2.887	2.941	
22	Xã Nhu Gia											5.828	2.887	2.941	
23	Xã Trường Khánh											5.828	2.887	2.941	
24	Xã Mỹ Tú											5.828	2.887	2.941	
25	Xã Thạnh Thới An											6.215	3.117	3.098	
26	Xã Hòa Tú											6.416	2.887	3.529	
27	Xã Đại Ngãi											5.828	2.887	2.941	
28	Xã An Lạc Thôn											5.828	2.887	2.941	
29	Xã Mỹ Phước											5.828	2.887	2.941	
30	Xã Đại Hải											5.828	2.887	2.941	
31	Xã Hồ Đắc Kien											5.828	2.887	2.941	
32	Xã Long Hưng											6.416	2.887	3.529	
33	Xã Vĩnh Viễn											5.828	2.887	2.941	
34	Xã Thạnh Xuân											5.828	2.887	2.941	
35	Xã Trần Đề											6.416	2.887	3.529	
36	Xã Tân Thạnh											6.118	3.060	3.058	
												4.858	2.309	2.549	

STT	Tên dự án/Nội dung thành phần	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư				Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó: NSTW	NSDP	
37	Xã Phú Tâm											5.246	2.540	2.706	
38	Xã Tân Long											5.052	2.425	2.627	
39	Xã Hòa Lợi											5.446	2.309	3.137	
40	Xã Cờ Đỏ											5.828	2.887	2.941	
41	Xã Nhơn Mỹ											3.404	1.443	1.961	
42	Xã Phong Điền											5.828	2.887	2.941	
43	Xã Nhơn Ái											5.828	2.887	2.941	
44	Xã Trường Long											6.416	2.887	3.529	
45	Xã Thới Lai											3.404	1.443	1.961	
46	Xã Đông Thuận											3.404	1.443	1.961	
47	Xã Trường Xuân											3.404	1.443	1.961	
48	Xã Trường Thành											3.992	1.443	2.549	
49	Xã Thạnh Phú											3.404	1.443	1.961	
50	Xã Thới Hưng											3.992	1.443	2.549	
51	Xã Đông Hiệp											3.404	1.443	1.961	
52	Xã Trung Hưng											3.404	1.443	1.961	
53	Xã Vĩnh Thạnh											3.404	1.443	1.961	
54	Xã Vĩnh Trinh											3.404	1.443	1.961	
55	Xã Thạnh An											3.404	1.443	1.961	
56	Xã Thạnh Quới											3.404	1.443	1.961	
57	Xã Vị Thủy											3.992	1.443	2.549	
58	Xã Vĩnh Thuận Đông											3.404	1.443	1.961	
59	Xã Vị Thanh I											3.404	1.443	1.961	
60	Xã Vĩnh Tường											3.501	1.501	2.000	
61	Xã Tân Hòa											3.404	1.443	1.961	
62	Xã Trường Long Tây											5.828	2.887	2.941	
63	Xã Châu Thành											3.404	1.443	1.961	
64	Xã Đông Phước											3.404	1.443	1.961	
65	Xã Phú Hữu											5.828	2.887	2.941	
66	Xã Tân Bình											3.404	1.443	1.961	
67	Xã Hòa An											3.404	1.443	1.961	

STT	Tên dự án/Nội dung thành phần	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định định dự toán chuẩn bị đầu tư			Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			NSTW	NSDP		NSTW		NSDP
68	Xã Phương Bình									5.828	2.887	2.941		
69	Xã Tân Phước Hưng									5.828	2.887	2.941		
70	Xã Hiệp Hưng													
71	Xã Phụng Hiệp									3.404	1.443	1.961		
72	Xã Thạnh Hòa									3.403	1.443	1.960		
73	Phường Vĩnh Phước									3.992	1.443	2.549		
74	Phường Vĩnh Châu									2.353		2353		
75	Phường Khánh Hòa									2.392		2392		
76	Phường Ngã Năm									2.235		2235		
77	Phường Mỹ Quới									1.960		1960		
78	Phường An Bình									1.960		1960		
79	Phường Mỹ Xuyên									1.960		1960		
80	Phường Ninh Kiều									1.176		1176		
81	Phường Ô Môn									1.176		1176		
82	Phường Phú Lợi									1.176		1176		
83	Phường Sóc Trăng									1.176		1176		
84	Phường Long Bình									1.176		1176		
85	Phường Long Phú 1									980		980		
86	Phường Vị Tân									980		980		
87	Phường Vị Thanh									980		980		
88	Phường Đại Thành									980		980		
89	Phường Long Mỹ									980		980		
90	Phường Thới Nốt									980		980		
91	Phường Cái Răng									980		980		
92	Phường Hưng Phú									980		980		
93	Phường Phước Thới									980		980		
94	Phường Thới Long									980		980		
95	Phường Thuận Hưng									980		980		
96	Phường Trung Nhứt									980		980		
97	Phường Tân Lộc									980		980		
98	Phường Ngã Bảy									1.960		1960		
										980		980		

STT	Tên dự án/Nội dung thành phần	Địa điểm thực hiện	Mã dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư			Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT Trong đó: NSDP		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	
99	Phường Cải Khế										980		980	
100	Phường Tân An										980		980	



Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025-2035 THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn vốn Cân đối NSDP
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			
									Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
	TỔNG SỐ										
*	Vốn chuẩn bị đầu tư						7.557		7.557		3.000
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp						7.557		7.557		3.000
I.1	Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng cảnh quan, thiết kế văn hóa đồng bộ, hiệu quả						1.226		1.226		3.000
1	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động cho Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, phường Ninh Kiều, phường An Bình	C		2026	734/QĐ-BQLDA ngày 31/7/2026	542		542		300
2	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động cho đoàn nghệ thuật Khmer thành phố Cần Thơ	Phường Phú Lợi	C		2026	733/QĐ-BQLDA ngày 31/7/2026	684		684		300
I.2	Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc						6.331		6.331		2.400
1	Tu bổ di tích lịch sử Khâm Lâm Cần Thơ	phường Ninh Kiều	C		2026	744/QĐ-BQLDA ngày 01/8/2026	436		436		200
2	Tu bổ di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ	Xã Cờ Đỏ	C		2026	745 /QĐ-BQLDA ngày 01/8/2026	721		721		300
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến thắng Chương Thiện (Chiến thắng 75 lượt tiêu diệt địch của quân và dân Khu 9, năm 1973)	xã Vĩnh Viễn, phường Vị Tân,	C		2026	748/QĐ-BQLDA ngày 01/8/2026	850		850		450
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Chiến thắng Tầm Vu	xã Thạnh Xuân	C		2026	751/QĐ-BQLDA ngày 31/7/2026	750		750		300
5	Tu bổ di tích lịch sử - văn hóa địa điểm Mỹ - Diệt tàn sát đồng bào khi lập khu trù mật Vị Thanh - Hòa Lự	phường Vị Thanh	C		2026	749/QĐ-BQLDA ngày 31/7/2026	650		650		150
6	Tu bổ di tích lịch sử - văn hóa đền thờ Bác Hồ (xã Lương Tâm)	xã Lương Tâm	C		2026	750/QĐ-BQLDA ngày 31/7/2026	560		560		200
7	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng	Xã Mỹ Phước	C		2026	746/QĐ-BQLDA ngày 01/8/2026	850		850		200

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn vốn Cân đối NSDP
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
8	Tu bổ, tôn tạo Đền thờ Bác Hồ (xã An Thạnh)	Xã An Thạnh	C		2026	747/QĐ-BQLDA ngày 01/8/2026	824	824				200
9	Cải tạo, nâng cấp bảo tàng thành phố Cần Thơ (cơ sở 2) thành bảo tàng văn hóa Khmer thành phố Cần Thơ	Phường Sóc Trăng	C		2026	732/QĐ-BQLDA ngày 31/7/2026	690	690				400

